TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2022/DS-ST
Ngày: 09-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Võ Hoàng Trọng

2- Ông Lê Văn Lài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2022/QĐST – DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thái H, sinh năm 1982 – Chủ hộ kinh doanh; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh;

* Bị đơn: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1983; trú tại: Tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Ông H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ông T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Huỳnh Thái H trình bày:*

Ông H là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất PQ (tên thường gọi là 5 L), anh T là thầu xây dựng có mua vật liệu tại cửa hàng của anh H. Hình thức thanh toán là khi mua vật liệu tại cửa hàng thì lính anh T đến nhận và ký vào hóa đơn nhận hàng, sau đó đến đợt chủ đầu tư thanh toán thì anh T thanh toán lại cho cửa hàng. Trong khoảng thời gian từ ngày 29-5-2021 đến ngày 10-9-2021, anh T nhiều lần lấy vật tư tại cửa hàng ông cụ thể như sau:

- Ngày 29-5-2021 mua tổng tiền hóa đơn là 15.400.000 đồng; ngày 03-6-2021 mua tổng hóa đơn là 1.900.000 đồng; ngày 09-6-2021 mua tổng hóa đơn là 1.320.000 đồng; ngày 28-6-2021 mua tổng hóa đơn là 12.700.000 đồng; ngày 30-6-2021 mua tổng hóa đơn là 1.900.000 đồng; ngày 02-7-2021 mua tổng hóa đơn là 10.320.000 đồng; ngày 04-7-2021 mua tổng hóa đơn là 1.900.000 đồng; ngày 05-7-2021 mua tổng hóa đơn là 10.320.000 đồng. Cùng ngày 05-7-2021 Ông H đã chốt nợ, xác định công nợ tổng cộng là 55.760.000 đồng, anh T hẹn xong công trình thanh toán luôn 01 lần.

Đến ngày 09-7-2021 tiếp tục mua tổng hóa đơn là 6.000.000 đồng; ngày 14-7-2021 mua tổng hóa đơn là 1.900.000 đồng; ngày 30-8-2021 mua tổng hóa đơn là 7.640.000 đồng; ngày 04-8-2021 mua tổng hóa đơn là 1.900.000 đồng; ngày 10-9-2021 mua tổng hóa đơn là 4.360.000 đồng

Ngày 07-10-2021 Ông H chốt nợ lần 2 tổng nợ là 77.560.000 (bảy mươi bảy triệu năm trăm sáu chục ngàn) đồng. Công trình Ông T đã hoàn thành nhưng không đến thanh toán nợ tiền vật liệu cho ông.

Nay Ông H khởi kiện yêu cầu Ông T có trách nhiệm trả cho ông tiền nợ vật liệu xây dựng là 77.560.000 (bảy mươi bảy triệu năm trăm sáu chục ngàn) đồng và tính lãi suất theo quy định. Ông H không yêu cầu khởi kiện đối với bà Vũ Thị Thu N, chỉ kiện Ông T và yêu cầu mình Ông T trả nợ trên.

- Bị đơn Ông Phạm Thế T không có lời khai tại Tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến

hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ 2 lần giấy triệu tập cho Ông Phạm Thế T nhưng Ông T không đến Tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Trung là phù hợp theo quy định của Pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thái H về tranh chấp hợp đồng mua bán với Ông Phạm Thế T.

Buộc Ông Phạm Thế T có trách nhiệm trả cho Ông Huỳnh Thái H số tiền 62.160.000 (sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Ông H về số tiền

Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Thế T vắng mặt không lý do. Tòa án tống đạt, các văn bản tố tụng cho ông theo quy định. Ông T đã được triệu tập hợp lệ hai lần theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Huỳnh Thái H khởi kiện yêu cầu Ông Phạm Thế T trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 77.560.000 (bảy mươi bảy triệu năm trăm sáu chục ngàn) đồng và tính lãi suất theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của Ông H được xem xét qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông T là thầu xây dựng có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của Ông H, hình thức mua trả gối đầu, ban đầu khi giao dịch Ông T thực

hiện đúng có uy tín. Khi giao vật liệu thì Ông T để cho ông T1 là người thi công công trình nhận thiết bị và ký nhận vào hóa đơn đến kỳ thanh toán tiền Ông T không trả đúng như thỏa thuận ban đầu, ông hẹn đến đợt nhận tiền của chủ nhà thì thanh toán 01 lần luôn nhưng cũng không trả. Các hóa đơn Ông H cung cấp cho tòa nội dung là bán vật liệu xây dựng cho Ông T, ông T1 là người thi công công trình nhận trực tiếp vật liệu của cửa hàng Ông H giao. Qua làm việc với ông Lê Anh V là chủ nhà Ông T nhận làm và mua vật liệu của Ông H thì ông V trình bày ông xây nhà và Ông T nhận thầu luôn tất cả phần nhân công và vật liệu, Ông T mua vật liệu tại cửa hàng của Ông H, khi giao vật liệu thì ông T1 là người thi công ký nhận, việc giao trả tiền thì ông không biết. Các hóa đơn giao hàng là có ký nhận của ông T1 người thi công nhà ông V nên lời trình bày của ông V và yêu cầu khởi kiện của Hảo là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Tuy nhiên, chứng từ hóa đơn Ông H cung cấp cho Tòa từ bút lục số 44 đến bút lục số 58, tổng số tiền Ông T chưa trả là 77.560.000 đồng, số tiền này là do Ông H tự ghi nợ, Ông T chưa ký xác nhận. Trong các chứng từ hóa đơn Ông H cung cấp trên thì có 02 hóa đơn tại bút lục số 57 và 58 không có ai ký nhận với số tiền là 15.400.000 đồng nên không có căn cứ Ông H đã giao vật liệu tại 02 hóa đơn này cho Ông T, chỉ chấp nhận các hóa đơn còn lại từ bút lục số 44 đến 56 tổng số tiền 62.160.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Ông T biết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa nhưng ông không hợp tác, không đến Tòa. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho Ông T theo quy định, Ông T không đến Tòa, không có lời khai là có ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình và tự chịu trách nhiệm.

Ông H chỉ kiện Ông T và yêu cầu Ông T trả nợ tiền vật liệu, bà N là vợ Ông T nhưng đã ly hôn và bỏ đi từ năm 2014, bà N không liên quan đến việc làm ăn của Ông T sau năm 2014. Yêu cầu này của Ông H là phù hợp cần chấp nhận.

Cần buộc Ông T có trách nhiệm trả cho Ông H số tiền 62.160.000 (sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng là phù hợp.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi của Ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng Ông H yêu cầu tính lãi suất cơ bản theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Lãi được tính như sau:

Ông H chốt khoản nợ Ông T nợ vật liệu tổng cộng là 62.160.000 đồng vào ngày 07-10-2021, Ông H đồng ý tính lãi trên tổng số tiền trên từ ngày chốt nợ là ngày 07-10-2021 đến ngày xét xử là ngày 09-9-2022 là 11 tháng 2 ngày, với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 5.709.500 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi Ông T phải trả tính đến ngày xét xử là 62.160.000 đồng + 5.709.500 đồng thành 67.869.500 (sáu mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm) đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông H và Ông T phải chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự, Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Thái H về tranh chấp hợp đồng mua bán đối với Ông Phạm Thế T.

Buộc Ông Phạm Thế T có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Huỳnh Thái H số tiền 67.869.500 (sáu mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm) đồng. Trong đó: Tiền vốn 62.160.000 đồng; lãi 5.709.500 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Ông H về tranh chấp hợp đồng mua bán đối với Ông Phạm Thế T về số tiền 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày Ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng Ông T còn phải trả cho Ông H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Ông Phạm Thế T phải chịu 3.393.000 (ba triệu ba trăm chín mươi ba ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Ông Huỳnh Thái H phải chịu 770.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm dân sự của số tiền không chấp nhận nhưng được khấu trừ vào tiền tạm tiền ứng án phí Ông H đã nộp 1.939.000 (một triệu chín trăm ba mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu số 0017361 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông H được nhận lại số tiền 1.169.000 (một triệu một trăm sáu mươi chín ngàn) đồng.

"Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Tây Ninh
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự huyện C
- Những người than gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

(đã ký)

Cái Thị Minh Tâm